TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST Ngày 05 - 9 - 2017 V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Vũ Thị Quỳ

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huy ện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*****:** Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1981

ĐKNKTT: Thôn Q, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Thôn Q, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên vào năm 2015, chị T và anh D đã ly hôn. Tại Bản án hôn nhân và gia đình số 24/2015/HNGĐ-ST ngày 21/9/2015 quyết định giao cả ba con chung là Ngô Thị Thanh N, sinh ngày 20/10/2001; Ngô Thị Xuân M, sinh ngày 07/02/2008 và Ngô Quang M1, sinh ngày 20/8/2012 cho anh D nuôi dưỡng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đến năm 2017 chị T cho rằng cháu Ngô Thị Thanh N và Ngô Thị Xuân M đã lớn, còn cháu Ngô Quang M1 còn nhỏ vì anh D vẫn còn sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ, công việc không ổn định, không có điều kiện khả năng nuôi dạy và chăm sóc tốt cho cháu M1. Trong khi đó hiện nay chị T có kinh tế và chỗ ở ổn định. Mặt khác sau khi ly hôn chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung thì anh D còn có hành vi cản trở (anh D đánh chị T tại trường học của con). Để đảm bảo việc ăn học và cuộc sống sau này của cháu Ngô Quang M1 nên chị T làm đơn gửi đến Tòa án, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cụ thể, chị yêu cầu Tòa án buộc anh D giao cháu Ngô Quang M1, sinh ngày 20/8/2012 cho chị T nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện K đã giao Thông báo thụ lý vụ án số 153/TB-TLVA ngày 05/7/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 88/TB-TA ngày 24/7/2017 và giấy triệu tập, anh D đã được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tất cả những lần hòa giải anh D mặc dù đã được nhận các văn bản tố tụng trên nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 11/8/2017, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2017 (phiên tòa hồi 08 giờ ngày 28/8/2017) cho anh Duy, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng anh D vắng mặt không có lý do lần thứ nhất tại phiên tòa, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017 và ấn định phiên tòa mở hồi 08 giờ ngày 05/9/2017, đã giao trực tiếp cho anh Ngô Văn D theo quy định của pháp luật.

Như vậy anh Ngô Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Anh Ngô Văn D đảm bảo trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngô Quang

M1. Điều kiện hiện tại của chị Phạm Thị T chưa tốt để đảm bảo cho việc nuôi, dạy cháu M1. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự , áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Văn D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Tại bản án có hiệu lực pháp luật số 24/2015/HNGĐ-ST ngày 21/9/2015 Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử công nhận sự thỏa thuận của anh D và chị T giao ba cháu Ngô Thị Thanh N, sinh ngày 20/10/2001; Ngô Thị Xuân M, sinh ngày 07/02/2008 và Ngô Quang M1, sinh ngày 20/8/2012 cho anh D nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi. Kể từ khi giao 03 con chung cho anh D nuôi đến nay chị T cho rằng anh D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Vì anh D vẫn sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ, công việc không ổn định. Mặt khác anh D còn có hành vi cản trở chị lúc chị thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Trong khi đó hiện nay chị đã có chỗ ở, công việc ổn định, thu nhập đều, có điều kiện tốt để nuôi dưỡng cháu M. Do đó, chị T yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi cháu M1, giao cháu M1 để chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh D, 02 lần mở phiên hòa giải và tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, anh D đã được nhận nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do, không ghi bản tự khai thể hiện quan điểm mình. Qua trao đổi anh D cho biết anh quá mệt mỏi về việc kiện tụng tại Tòa án của chị T. Bản thân anh còn phải đi làm để nuôi 03 con, sau hai năm nuôi dưỡng các con, anh D vẫn đảm bảo được việc nuôi dậy chăm sóc các cháu. Phía chị T không có đóng góp gì cho anh để nuôi dậy 03 cháu ăn học kể từ khi Tòa án xử giao 03 con cho anh D nuôi dưỡng. Nay chị T có đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và có nguyện vọng xin nuôi cháu M1 là con trai út, anh D không chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi thu thập chứng cứ về điều kiện nuôi con của chị T, anh D tại chính quyền địa phương cho thấy: Từ khi ly hôn với chị T vào năm 2015 đến nay anh D vẫn đảm bảo được điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con trong đó có cháu M một cách bình thường bởi: Hiện nay anh D có nhà riêng, chỗ ở ổn định. Anh D là thợ điện thường đi nhận thầu thi công về lĩnh vực điện dân dụng, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 (mười triệu) đồng. Toàn bộ thu nhập của anh D đều dành để lo cho con cái ăn học, vì thế tuy nuôi 03 con nhỏ còn một số khó khăn nhưng anh D vẫn chăm sóc tốt cho các con. Những lúc anh D đi làm, do ở cạnh ông bà nội nên ông bà có phụ giúp anh D trông các cháu. Con lớn của anh D, cháu Ngô Thị Thanh N, sinh ngày 20/10/2001 đã viết đơn đề nghị Tòa án xin không chia tách ba chị em. Vì kể từ khi ba chị em được ở với bố, mẹ không quan tâm đến cuộc sống của ba chị em. Ngoài ra, chị T có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng không chứng minh được đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M1 tốt hơn anh D. Cụ thể: Chị T không có chỗ ở (đang ở nhà thuê) và thu nhập (lao động tự do) không ổn định. Quá trình giải quyết vụ án chị T không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh D có hành vi cản trở chị trong việc thăm con. Tòa án xác minh thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương đều cho rằng việc để anh D tiếp tục nuôi cháu M1 là tốt hơn giao cho chị T nuôi. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu M1 cho thấy yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị T là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu khởi của chị Phạm Thị Tvề việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Ngô Văn D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Ngô Quang M1, sinh ngày 20/8/2012. Anh Ngô Văn D được quyền tiếp tục nuôi cháu Ngô Quang M1 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA. 0006111 ngày 04/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Ngô Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang